

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 6 - 2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sầm Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Duy Bình và ông Hồ Trọng Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tráng Kháy Phìn - Thư ký Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Mới - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Xa Văn B, sinh năm 1993

Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố N, thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở hiện nay: Thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

3. Người làm chứng:

+ Ông Xa Văn V, sinh năm 1971

+ Bà Hà Thị C, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình. Điều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 3 năm 2025; bản tự khai ngày 14 tháng 4 năm 2025; quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị D và anh Xa Văn B tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ đầu năm 2017, không đăng ký kết hôn. Ngày 16/4/2018, anh chị đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã H (Nay là xã T), huyện Đ, tỉnh Hòa Bình. Sau kết hôn, anh chị chung sống tại tỉnh Hòa Bình được một năm thì chuyển về sinh sống tại thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai. Sau đó anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 01/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng chị không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế nên vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên tháng 8/2022 đến nay, anh chị sống ly thân, chị D ở tại thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai còn anh B về chung sống với bố mẹ đẻ của anh tại thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình đến nay. Thực tế vợ chồng chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 8/2022 đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được anh em, gia đình khuyên giải, bản thân chị D đã cố gắng vun đắp nhưng vợ chồng không cùng chung tiếng nói. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn, khắc phục được nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai giải quyết cho chị được ly hôn với anh Xa Văn B để sớm ổn định cuộc sống của chị.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị D và anh Ba C1 có một con chung là cháu Xa Đăng K, sinh ngày 12/9/2018. Từ khi anh chị sống ly thân, cháu K do D trực tiếp nuôi dưỡng đến nay. Khi ly hôn, chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu K cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về điều kiện nuôi con khi ly hôn: Chị D là lao động tự do tại địa phương, công việc chính là trồng trọt, chăn nuôi và đi làm thuê, thu nhập được 7.000.000 đồng/tháng. Tại địa phương mức nuôi dưỡng cháu K là 1.000.000 đồng/tháng nên chị D đủ điều kiện nuôi con khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống, chị D và anh B không có tài sản chung nên chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Trong thời gian chung sống, chị D và anh Ba K1 vay nợ ai, không cho ai vay nợ gì nên chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp.

2. Đối với bị đơn anh Xa Văn B: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho anh Xa Văn B nhưng anh Xa Văn B không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị D; không có mặt theo giấy triệu tập, không đến Tòa án giải quyết vụ án, vắng mặt tại phiên họp, phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị D đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nên Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được về quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng con chung theo quy định của pháp luật.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể: Thẩm quyền thụ lý vụ án, mỗi quan hệ tranh chấp đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39; xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68; trình tự thụ lý, giao nhận thông báo thụ lý cho đương sự và cho Viện kiểm sát đúng quy định tại Điều 195, 196; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định tại các điều từ Điều 93 đến Điều 99. Tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải đúng theo quy định tại các Điều 109, 207, 208, 209, 210, 211. Thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 203. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án trong quá trình quyết vụ án theo quy định tại khoản 16 Điều 70 BLTTDS.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị D được ly hôn với anh Xa Văn B.
- Về con chung: Chị Hoàng Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Xa Đăng K, sinh ngày 12/9/2018 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Ba K1 ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về án phí và quyền kháng cáo đề nghị tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Hoàng Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với anh Xa Văn B có địa chỉ nơi cư trú: Tổ dân phố N, thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt hợp lệ. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; người làm chứng vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng là phù hợp với quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1,3 Điều 228; Khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị D và anh Xa Văn B là hợp pháp. Chị Hoàng Thị D và anh Xa Văn B tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ đầu năm 2017, không đăng ký kết hôn. Ngày 16/4/2018, anh chị đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã H (Nay là xã T), huyện Đ, tỉnh Hòa Bình. Sau kết hôn, anh chị chung sống tại tỉnh Hòa Bình

được một năm thì chuyển về sinh sống tại thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai. Sau đó anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 01/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng chị không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế nên vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên tháng 8/2022 đến nay, anh chị sống ly thân, chị D ở tại thị trấn K, huyện V, tỉnh Lào Cai còn anh B về chung sống với bố mẹ đẻ của anh tại thôn H, xã T, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình đến nay. Thực tế vợ chồng chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 8/2022 đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã được chính quyền địa phương và bố đẻ của anh Xa Văn B là ông Xa Văn V xác nhận. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn, khắc phục được nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai giải quyết cho chị được ly hôn với anh Xa Văn B để sớm ổn định cuộc sống của chị. Đối với anh Xa Văn B đã được tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị D. Trong quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng anh chị tiếp tục nhắn tin qua Zalo chửi bới, xúc phạm nhau. Qua tin nhắn Zalo với Tòa án trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh B cho rằng do chị D ngoại tình nên vợ chồng anh đã ly thân hai năm nay, không gặp nhau, lý do vợ chồng anh ly hôn vì vợ anh ngoại tình, vợ chồng anh đã nói chuyện với nhau đã thống nhất với nhau về việc nuôi con là đồng ý để anh B là người nuôi và chăm sóc cháu Xa Đăng K. Do anh B bận nên không có thời gian đến Tòa án để giải quyết vụ án thể hiện anh B bỏ mặc, thờ ơ trước tình trạng hôn nhân của vợ chồng. Như vậy, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh B là có căn cứ nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Hoàng Thị D được ly hôn với anh Xa Văn B.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị D và anh Ba C1 có một con chung là cháu Xa Đăng K, sinh ngày 12/9/2018. Từ khi anh chị sống ly thân, cháu K do D trực tiếp nuôi dưỡng đến nay; chị D đồng ý để anh B nuôi con nhưng anh Ba K1 đến đón con về nuôi nên khi ly hôn, chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu K cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị D đã giao nộp cho Tòa án đơn đề nghị xác nhận mâu thuẫn vợ chồng và thu nhập của chị xác nhận hiện nay chị D là lao động tự do tại địa phương, công việc chính là trồng trọt, chăn nuôi và đi làm thuê, thu nhập được 7.000.000 đồng/tháng. Tại địa phương mức nuôi dưỡng cháu K là 1.000.000 đồng/tháng. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao Xa Đăng K cho chị Hoàng Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Hoàng Thị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1,3 Điều 228; Khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị D và anh Xa Văn B. Quan hệ hôn nhân của chị Hoàng Thị D và anh Xa Văn B chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Xa Đăng K, sinh ngày sinh ngày 12/9/2018 cho chị Hoàng Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Xa Văn Ba K1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị D phải chịu: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000003778118 ngày 14/4/2025 nộp trên cổng dịch vụ công quốc gia (Biên lai số: 0004250 ngày 15/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lào Cai thu từ lệnh thanh toán đến ngày 15/4/2025. Chị Hoàng Thị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sù;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện V (2);
- CCTHADS huyện V;
- UBND xã T,
- huyện Đ, tỉnh Hòa Bình,
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Sầm Thị Tươi

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện V (2);
- CCTHADS huyện V;
- UBND xã Chiềng Ken,
huyện V, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sầm Thị Tươi

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện V (2);
- CCTHADS huyện V;
- UBND xã Nàn Sán
và UBND xã Quan Hồ Thần,
huyện V, tỉnh Lào Cai;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sầm Thị Tươi

